

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 197/2019/DS-PT

Ngày: 19/12/2019

V/v “*Tranh chấp đòi lại tài sản; Yêu cầu bồi thường thiệt hại; Yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thị Thanh Nữ.

- *Các Thẩm phán:* Bà Vũ Thị Thu.

Ông Trần Thanh Phong.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Tuấn Anh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:* Ông Nguyễn Đình Thắng- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 12 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 186/2019/TLPT-DS về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản, yêu cầu bồi thường thiệt hại, bồi thường tổn thất tinh thần*”

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2019/DS-ST ngày 26 tháng 07 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 225/2019/QĐXX-PT ngày 13 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 442/2019/QĐ-PT ngày 11 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trịnh Công Bích D**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: khu phố X, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Công Đ, sinh năm 1954.

Địa chỉ: khu phố X, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Theo văn bản ủy quyền ngày 07/8/2017)

- *Bị đơn:* **Hợp tác xã thương mại dịch vụ T.**

Địa chỉ: Khu phố X2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn N– Chủ nhiệm Hợp tác xã.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn P, sinh năm 1975

Địa chỉ: Ấp S, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ liên lạc: đường X1, khu phố X2, phường B1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (Văn bản ủy quyền ngày 27/02/2019)

(Ông Đ, Ông P có mặt tại phiên tòa)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Theo bản án sơ thẩm:***

***Đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn Ông Trịnh Công Đ trình bày:***

Vào năm 2004 bà Trịnh Công Bích D có ký Hợp đồng lao động với Hợp tác xã thương mại dịch vụ Tân Biên (gọi tắt là Hợp tác xã T). Công việc phải làm là thủ quỹ. Trong thời gian bà D làm việc, Hợp tác xã T không kiểm tra quỹ dẫn đến bà D bị thâm hụt số tiền quỹ là 87.851.260đ. Khi tham gia vào Hợp tác xã T, bà D có góp vốn số tiền 7.000.000đ. Ngày 30/5/2012, bà D có đơn xin nghỉ việc. Ngày 27/9/2012, ông có đơn đề nghị thanh toán cho Hợp tác xã T khoản tiền bà D làm thất thoát nhưng Hợp tác xã T không có văn bản trả lời. Ngược lại, Hợp tác xã T tố cáo bà D lợi dụng chiếm đoạt tài sản nhưng không có căn cứ nên công an thành phố Biên Hòa đã ra quyết định không khởi tố vụ án.

Vì Hợp tác xã T đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà D, dẫn đến bà D đã phải khởi kiện 04 vụ án tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Do vậy, bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa giải quyết cụ thể như sau:

Buộc Hợp tác xã T phải công khai xin lỗi bà D;

Buộc Hợp tác xã T phải thanh toán cho bà D số tiền góp vốn và tiền lãi là 16.240.000đ: Tại biên bản ngày 05/12/2017 của công an phường T, Hợp tác xã T trình bày: Tiền góp vốn của bà D là 7.000.000đ, tiền lãi năm 2014 và 2015 là 2.065.000đ hiện hợp tác xã đang giữ. Ông không chấp nhận vì hợp tác xã đã chấm dứt hợp đồng lao động với bà D từ tháng 9/2012 thì phải trả tiền gốc 7.000.000đ và tiền lãi từ tháng 9/2012 đến ngày Tòa án thụ lý vụ án này là 66 tháng  $\times 2\%/tháng = 7.000.000đ \times 66 tháng \times 2\% = 9.240.000đ + 7.000.000đ = 16.240.000đ$ .

Buộc Hợp tác xã T phải thanh toán cho bà D số tiền lãi từ tiền lương là 15.955.650đ: Theo quyết định sửa đổi bổ sung bản án số 12/2017, từ ngày 01/5/2012 đến ngày 10/9/2012, Hợp tác xã phải trả tiền lương cho bà D là 29.547.500đ. Từ 10/9/2012 đến ngày 07/4/2017 là ngày thi hành án giao tiền cho bà D là 54 tháng, tiền lãi  $1\% = 29.547.500đ \times 54 tháng = 15.955.650đ$ .

Buộc Hợp tác xã T phải trả cho bà D số tiền 4.531.000đ: Chi phí khiếu kiện: Trong thời gian 02 năm bà D theo kiện 04 vụ án. Tiền xăng đi lại hết 200 lít  $= 4.076.000đ +$  tiền gửi bưu điện là 455.000đ  $= 4.531.000đ$ .

Buộc Hợp tác xã T phải bồi thường thiệt hại cho bà D số tiền 82.000.000đ: Hợp tác xã T cố tình không giao quyết định chấm dứt hợp đồng lao động cho bà D, dẫn đến bà D không xin được việc làm, ảnh hưởng đến đời sống nên phải bồi thường thiệt hại cho bà D từ ngày 10/9/2012 đến ngày Tòa án thụ lý vụ án này tạm tính 66 tháng  $\times 1.250.000đ$  (lương tối thiểu)  $= 82.000.000đ$ .

Yêu cầu hợp tác xã bồi thường tổn thất về tinh thần cho bà D số tiền 62.500.000đ, trong đó: Mặc dù đã có quyết định không khởi tố vụ án và bản án DSPT số 139/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai thì bà D không phạm tội chiếm đoạt tài sản nhưng bà D đi đến đâu cũng bị Hợp tác xã T mạ lỵ bà D chiếm đoạt tài sản. Tại Trang 2 và trang 3 bản án dân sự sơ thẩm số 16/2016, Hợp tác xã T 02 lần mạ lỵ bà D chiếm đoạt tài sản, làm nhục bà D

không dám ra đường, làm mất danh dự bà D. Do vậy, bà D yêu cầu Hợp tác xã T phải xin lỗi công khai bằng văn bản và bồi thường tổn thất về tinh thần do bà D 10 tháng lương tối thiểu =  $1.250.000đ \times 10 \text{ tháng} = 12.500.000đ$ ; Tại trang 4 bản án số 16/2016 thể hiện: Bà D liên hệ với bảo hiểm xã hội để được giải quyết nhưng Hợp tác xã T không giao sổ bảo hiểm cho bà D nên không thanh toán được tiền bảo hiểm và không có tiền để thi hành án nên phải bồi thường tổn thất tinh thần cho bà D 10 tháng lương tối thiểu  $\times 1.250.000 = 12.500.000đ$ ; Tại trang 5 của bản án số 16/2016 Hợp tác xã T trình bày: Hai bên có ký hợp đồng lao động, nhưng Hợp tác xã T không còn hợp đồng lao động do không còn lưu giữ. Do đó bà D không biết chế độ được hưởng nên phải bồi thường tổn thất về tinh thần cho bà D 10 tháng lương tối thiểu =  $1.250.000đ \times 10 \text{ tháng} = 12.500.000đ$ ; Hợp tác xã T không thanh toán tiền góp vốn cho bà D, bà D không có tiền để thi hành bản án số 139/2015 nên phải bồi thường tổn thất về tinh thần cho bà D 10 tháng lương tối thiểu  $\times 1.250.000đ = 12.500.000đ$ ; Hợp tác xã T không giao quyết định chấm dứt Hợp đồng lao động cho bà D dẫn đến bà D không xin được việc làm, ảnh hưởng đến thời gian làm việc liên tục nên phải bồi thường tổn thất tinh thần cho bà D 10 tháng lương tối thiểu  $\times 1.250.000đ = 12.500.000đ$ ; Do Hợp tác xã T đã không thực hiện đúng nghĩa vụ nêu trên, có lời lẽ xúc phạm đến bà D dẫn đến làm tổn thất nghiêm trọng về tinh thần cho bà D. Cụ thể: Tinh thần bà D bức xúc, buồn bực, hay suy nghĩ, không xin được việc làm, không có tiền nuôi sống gia đình, vợ chồng lục đục, ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình.

Tổng cộng số tiền bà D yêu cầu Hợp tác xã T phải bồi thường trong vụ án này là  $62.500.000đ + 82.500.000đ + 4.531.000đ + 15.955.650đ + 16.240.000đ = 181.726.000đ$

***Bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa đại diện bị đơn Ông Nguyễn P trình bày:***

Bà Trịnh Công Bích D được tuyển dụng vào làm việc tại Hợp tác xã thương mại-dịch vụ Tân Biên vào năm 2004, công việc phải làm là thủ quỹ. Trong thời gian làm việc, bà D để thâm hụt quỹ và khắc phục hậu quả nhưng còn thiếu 87.851.260đ. Ngày 30/5/2012, bà D nộp đơn xin nghỉ việc. Ngày 10/9/2012, Hợp tác xã T ra quyết định chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà D. Do Hợp tác xã T đã nhiều lần mới bà D nhận sổ bảo hiểm, Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động nhưng bà D không đến nhận. Đối với tiền lương của bà D đã được Tòa án giải quyết và đã thi hành án xong.

Trong quá trình làm việc, bà D đã thiếu trách nhiệm, gây hậu quả nghiêm trọng đến nay chưa thanh toán số tiền 87.851.260 bị thâm hụt, không hợp tác để cản trừ công nợ và kéo dài thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Hợp tác xã. Hợp tác xã T xác nhận hiện tại đang giữ số tiền góp vốn 7.000.000đ, tiền lãi của số tiền vốn góp này trong năm 2014 và 2015 là 2.065.000đ của bà D, số tiền này đề nghị tòa án trừ vào số tiền mà bà D đang nợ Hợp tác xã. Do vậy, Hợp tác xã T không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà D.

***\* Bản án sơ thẩm số 30/2019/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã tuyên xử:***

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về “Yêu cầu đòi lại tài sản”. Buộc Hợp tác xã T phải thanh toán cho bà Trịnh Công Bích D số tiền 11.957.000đồng (*Mười một triệu chín trăm năm mươi bảy ngàn đồng*).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Công Bích D đối với các yêu cầu: Tính lãi từ tiền lương 15.955.650đ; chi phí khiếu kiện 4.531.000đ; yêu cầu bồi thường thiệt hại do không giao quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số tiền 82.000.000đ; yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần số tiền 62.500.000đ; xin lỗi công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hợp tác xã T phải chịu số tiền 598.000 đồng (*Năm trăm chín mươi tám ngàn đồng*);

Bà Trịnh Công Bích D phải chịu số tiền 5.363.000 đồng (*Năm triệu ba trăm sáu mươi ba ngàn đồng*) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.980.000đ

bà D đã nộp tại biên lai thu tiền số 006468 ngày 01/3/2018 của Chi cục thi hành án Biên Hòa. Bà D phải chịu tiếp số tiền 2.383.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự, quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 26/7/2019 nguyên đơn kháng cáo yêu cầu xem xét buộc bị đơn xin lỗi, đồng thời thanh toán cho nguyên đơn tổng các khoản yêu cầu là 229.170.650 đồng.

Ngày 06/8/2019, nguyên đơn kháng cáo bổ sung yêu cầu: Hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 30/2019/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa và xem xét các khoản do nguyên đơn yêu cầu số tiền là 233.410.650 đồng.

***\* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:***

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Đảm bảo theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về đường lối giải quyết:

Đối với yêu cầu trả số tiền góp vốn 7.000.000 đồng và lãi suất từ tháng 09/2012 đến ngày xét xử sơ thẩm là  $(66 \text{ tháng} \times 2\% \times 7.000.000) = 9.240.000$  đồng, tổng cộng 16.240.000 đồng. Cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện buộc HTX Tân Biên trả cho nguyên đơn số tiền góp vốn là 7.000.000 đ và tiền lãi của 02 năm 2014, 2015 là 2.065.000 đồng, tiền lãi từ năm 2016 đến ngày xét xử sơ thẩm là  $42 \text{ tháng} \times 0,75\% = 2.892.000$  đồng mà chưa tính tiền lãi từ ngày nguyên đơn có quyết định cho thôi việc là chưa đầy đủ, cần phải tính tiền lãi cho nguyên đơn từ ngày 10/9/2012 đến ngày 31/12/2013. Do đó cần chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn về nội dung này.

Đối với yêu cầu tính lãi từ tiền lương số tiền là 15.955.650 đồng, cấp sơ thẩm giải quyết không chấp nhận là có căn cứ vì tiền lương của bà D đã được giải quyết bằng một vụ án lao động và đã có bản án có hiệu lực pháp luật, việc tính tiền lãi đối với số tiền này sẽ do cơ quan Thi hành án dân sự thi hành đối với bản án Lao động khi HTX T chậm thi hành án.

Đối với yêu cầu bồi thường chi phí khiếu kiện, yêu cầu bồi thường và bồi thường tổn thất về tinh thần và xin lỗi công khai là không có cơ sở xem xét, cấp sơ thẩm không chấp nhận là có căn cứ. Do đó kháng cáo của nguyên đơn đối với những nội dung này là không có cơ sở chấp nhận.

Từ phân tích trên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Trịnh Công Bích D, sửa một phần bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục kháng cáo**

Bà Trịnh Công Bích D nộp đơn kháng cáo và và tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện nguyên đơn xác định giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của mình đề nghị hủy bản án sơ thẩm và xem xét các yêu cầu do nguyên đơn đề nghị. Bị đơn giữ nguyên ý kiến của mình.

#### **[2] Về nội dung kháng cáo**

##### **[2.1] Về phạm vi giải quyết phúc thẩm**

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện nguyên đơn có yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 30/2019/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa. Trong trường hợp không hủy án thì xem xét cho nguyên đơn.

##### **[2.2] Xét yêu cầu kháng cáo**

- Đối với yêu cầu buộc Hợp tác xã T phải thanh toán cho bà D số tiền góp vốn và tiền lãi là 16.240.000đ. Xét tại biên bản ngày 05/12/2017 của Công an phường T và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện Hợp tác xã T thừa nhận khi vào làm việc tại Hợp tác xã bà D có góp vốn số tiền 7.000.000đ, tiền lãi của số tiền vốn góp này trong năm 2014 và 2015 là 2.065.000đ. Hiện Hợp tác xã T

vẫn giữ 02 khoản tiền này của bà D. Căn cứ vào sự thừa nhận này Hợp tác xã còn phải trả lãi cho bà D đối với số tiền đang giữ từ tháng 01/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm là 42 tháng 16 ngày, mức lãi suất áp dụng là 9%/năm tương đương 0,75%/tháng là có căn cứ theo đúng quy định tại văn bản số 244/TANDTC-KHXX ngày 05/11/2012 của Tòa án nhân dân Tối Cao. Cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện buộc HTX T trả cho nguyên đơn số tiền góp vốn là 7.000.000 đồng và tiền lãi của 02 năm 2014, 2015 là 2.065.000 đồng, tiền lãi từ năm 2016 đến ngày xét xử sơ thẩm là 42 tháng 16 ngày  $\times 0,75\% = 2.892.000$  đồng. Cấp sơ thẩm chấp nhận buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là 11.957.000 đồng (*Mười một triệu chín trăm năm mươi bảy ngàn đồng*). Tuy nhiên cấp sơ thẩm chưa xét tính tiền lãi từ khi nguyên đơn có quyết định cho thôi việc tính từ ngày 10/9/2012 đến ngày 31/12/2013 là chưa đầy đủ, cần phải tính tiền lãi cho nguyên đơn từ ngày 10/9/2012 đến ngày 31/12/2013 là 15 tháng 21 ngày  $\times 0,75\%/\text{tháng} \times 7.000.000 \text{ đồng} = 824.250$  đồng. Số tiền nguyên đơn yêu cầu được chấp nhận tổng là 12.781.250 đồng (11.957.000 đồng + 824.250 đồng = 12.781.250 đồng). Do vậy chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn về phần này.

- Đối với yêu cầu của đại diện nguyên đơn về buộc Hợp tác xã T phải thanh toán cho bà D số tiền từ tiền lương là 15.955.650đ; yêu cầu buộc Hợp tác xã T phải thanh toán cho bà D số tiền 4.531.000đ; yêu cầu buộc Hợp tác xã T phải bồi thường thiệt hại cho bà D số tiền 82.000.000đ; yêu cầu Hợp tác xã T bồi thường tổn thất về tinh thần cho bà D số tiền 62.500.000đ. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy cấp sơ thẩm đã xem xét, nhận định, giải quyết không chấp nhận các yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ. Do đó kháng cáo của nguyên đơn đối với các phần này là không có cơ sở chấp nhận.

### **[3] Về án phí:**

Do sửa bản án sơ thẩm nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hợp tác xã T phải chịu số tiền án phí dân sự phúc thẩm đối với số tiền 12.781.250 đồng là 639.000 đồng (sáu trăm ba mươi chín ngàn đồng).



Bà Trịnh Công Bích D phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm về phần yêu cầu không được chấp nhận (15.955.650đ + 4.531.000đ + 82.000.000đ + 3.458.750đ) là 5.297.000 đồng (*Năm triệu hai trăm chín mươi bảy ngàn đồng*) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.980.000đ, bà D đã nộp tại biên lai thu tiền số 006468 ngày 01/3/2018 của Chi cục thi hành án Biên Hòa. Bà D phải chịu tiếp số tiền 2.317.000đồng.

**[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và chứng cứ có tại hồ sơ nên chấp nhận.**

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trịnh Công Bích D; Sửa một phần bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 166, 584, 585, 586, 588, 592 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về “Yêu cầu đòi lại tài sản”. Buộc Hợp tác xã T phải thanh toán cho bà Trịnh Công Bích D số tiền 12.781.250đ.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Công Bích D đối với các yêu cầu: Tính lãi từ tiền lương 15.955.650đồng; chi phí khiếu kiện 4.531.000đ; yêu cầu bồi thường thiệt hại do không giao quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số tiền 82.000.000đ; yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần số tiền 62.500.000đ; xin lỗi công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

#### **3. Về án phí:**

Hợp tác xã T phải chịu số tiền 639.000 đồng (*Sáu trăm ba mươi chín ngàn đồng*).

Bà Trịnh Công Bích D phải chịu số tiền 5.297.000 đồng (*Năm triệu hai trăm chín mươi bảy ngàn đồng*) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.980.000đ,

bà D đã nộp tại biên lai thu tiền số 006468 ngày 01/3/2018 của Chi cục thi hành án Biên Hòa. Bà D phải chịu tiếp số tiền 2.317.000đồng.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND T.Đồng Nai;
- Cục THADS T.Đồng Nai;
- Chi cục THADS TP.Biên Hòa;
- TAND TP.Biên Hòa;
- Đường sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Thị Thanh Nữ**



